

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh Lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030" trên địa bàn xã Vĩnh Phong

Thực hiện Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 720/QĐ-BNN-KH ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030" trên địa bàn xã Vĩnh Phong, với nội dung cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Sản xuất lúa gạo vai trò nòng cốt đảm bảo an ninh lương thực của quốc gia, là lợi thế của xã Vĩnh Phong và đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế, ổn định xã hội, góp phần nâng cao vị thế quốc tế của gạo Việt Nam.

- Hiện thực hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ về phát triển nông nghiệp của tỉnh theo hướng bền vững, thuận thiên, nâng cao thu nhập cho người trồng lúa và bảo đảm an ninh lương thực trong tỉnh và quốc gia; huy động tổng hợp các nguồn lực và các thành phần kinh tế cùng tham gia.

- Xây dựng vùng sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp trên địa bàn xã Vĩnh Phong mang tính đột phá trong tổ chức lại sản xuất ngành hàng lúa gạo, nâng cao giá trị gia tăng trong toàn chuỗi, đảm bảo phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, đóng góp vào tăng trưởng xanh và góp

phần thực hiện các cam kết của Chính phủ tại Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên hợp Quốc lần thứ 26 (COP26), hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

- Hình thành và phát triển bền vững 400 ha sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tổ chức lại hệ thống sản xuất theo chuỗi giá trị, áp dụng các quy trình canh tác bền vững nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao thu nhập và đời sống của người trồng lúa, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện các cam kết quốc tế của Chính phủ.

- Thúc đẩy hình thành và phát triển ổn định các Hợp tác xã (HTX), Tổ hợp tác (THT), tổ chức nông dân (TCND) đóng góp quan trọng vào chuỗi liên kết lúa gạo trên địa bàn xã. Tăng dần tỷ lệ sản xuất có liên kết tiêu thụ qua từng năm thực hiện.

- Xây dựng chuỗi giá trị ngành hàng lúa gạo điển hình, làm mô hình kiểu mẫu cho phát triển lĩnh vực lúa gạo tại tỉnh An Giang đến năm 2030.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a. Năm 2026

- Về quy mô: Diện tích canh tác các vùng sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp trên địa bàn tỉnh đến năm 2026 đạt 80ha (trên cơ sở diện tích vùng dự án sản xuất lúa theo hướng hữu cơ) và nhân rộng ở những vùng thuận lợi.

- Về canh tác bền vững: Tại các vùng sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp, giảm lượng lúa giống gieo sạ còn 80-100 kg/ha, giảm 20% lượng phân bón hoá học và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học, giảm 20% lượng nước tưới so với canh tác truyền thống, 100% diện tích áp dụng ít nhất một quy trình canh tác bền vững như 1 phải 5 giảm, tiêu chuẩn sản xuất lúa theo hướng hữu cơ, các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt được chứng nhận và được cấp mã số vùng trồng.

- Về tổ chức lại sản xuất:

+ 100% diện tích sản xuất vùng lúa chất lượng cao và phát thải thấp có liên kết giữa doanh nghiệp với tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc các tổ chức của nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

+ Tỷ lệ cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 50% diện tích.

+ Trên 34 hộ áp dụng quy trình canh tác bền vững.

- Về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh:

+ Tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch dưới 10%.

+ 70% rơm tại các vùng lúa được thu gom khỏi đồng ruộng và được chế biến tái sử dụng.

+ Giảm trên 10% lượng phát thải khí nhà kính so với canh tác lúa sử dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học theo tập quán.

- Về thu nhập người trồng lúa, giá trị gia tăng: Giá trị gia tăng trong chuỗi lúa gạo tăng 30%, trong đó tỷ suất lợi nhuận của người trồng lúa đạt trên 40%;

- Xây dựng thương hiệu và xuất khẩu: Lượng gạo xuất khẩu chất lượng cao và phát thải thấp chiếm trên 20% tổng lượng gạo xuất khẩu của toàn vùng lúa.

b. Từ năm 2027 đến năm 2030

- Về quy mô: Diện tích canh tác các vùng sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp đạt 400 ha (Phụ lục I).

- Về canh tác bền vững: Giảm lượng lúa giống gieo sạ còn dưới 70 kg/ha, giảm 30% lượng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học, giảm 20% lượng nước tưới so với canh tác truyền thống. 100% diện tích áp dụng ít nhất một quy trình canh tác bền vững như 1 phải 5 giảm, SRP, tưới ngập khô xen kẽ và các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt được chứng nhận và được cấp mã số vùng trồng.

- Về tổ chức sản xuất:

+ 100% diện tích sản xuất các vùng lúa chất lượng cao và phát thải thấp có liên kết giữa doanh nghiệp với tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc các tổ chức của nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

+ Tỷ lệ cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 70% diện tích.

+ Trên 50 hộ áp dụng quy trình canh tác bền vững.

- Về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh:

+ Tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch dưới 8%.

+ 100% rơm được thu gom khỏi đồng ruộng và được chế biến tái sử dụng.

- Về thu nhập người trồng lúa: giá trị gia tăng trong chuỗi lúa gạo tăng 40%, trong đó tỷ suất lợi nhuận người trồng lúa đạt trên 50%.

- Xây dựng thương hiệu và xuất khẩu: Lượng gạo xuất khẩu mang thương hiệu chất lượng cao, phát thải thấp chiếm trên 20% tổng lượng gạo xuất khẩu của toàn vùng chuyên canh.

+ Giảm trên 10% lượng phát thải khí nhà kính so với canh tác lúa truyền thống.

- Phân đầu đến năm 2030 có 05 HTX tham gia.

II. ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN TRIỂN KHAI

1. Địa điểm triển khai

- Tại 3/10 ấp trên địa bàn xã Vĩnh Phong với diện tích 400 ha (Phụ lục I).

2. Thời gian triển khai

2.1 Giai đoạn 1 (đến cuối năm 2026)

- Tập trung củng cố các diện tích đã có của Dự án chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) và nhân rộng ở những vùng thuận lợi.

- Triển khai các hoạt động: Tổ chức tập huấn, xây dựng các mô hình trình diễn, củng cố các hợp tác xã, duy tu bảo dưỡng một số công trình và chuẩn bị kế hoạch cho giai đoạn 2026-2030. Tham gia hoạt động kiểm đếm theo hệ thống MRV (Monitoring, Reporting, Verification – Đo đạc, báo cáo, thẩm định) đạt tiêu chuẩn.

2.2 Giai đoạn 2 (giai đoạn 2027 - 2030)

- Xác định cụ thể khu vực trọng tâm để lập dự án đầu tư phát triển vùng lúa chuyên canh chất lượng cao giảm phát thải mới thêm 320 ha để hướng tới mục tiêu 400 ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp trên địa bàn xã (Phụ lục I).

- Giai đoạn này sẽ tập trung vào các hoạt động chủ yếu như đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho những vùng diện tích mới, tổ chức lại sản xuất, xây dựng chuỗi giá trị, triển khai ứng dụng hệ thống MRV đạt tiêu chuẩn quốc tế ở các vùng lúa tham gia Đề án trên địa bàn xã, thí điểm cấp tín chỉ các-bon cho những vùng lúa đạt chuẩn do đơn vị có chức năng tổ chức; đồng thời duy trì sản xuất bền vững ở những vùng đã triển khai từ năm 2026.

III. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN VÙNG THAM GIA ĐỀ ÁN

1. Tiêu chí về quy hoạch và cơ sở hạ tầng

- Được quy hoạch là đất sản xuất lúa tằm, phù hợp với quy hoạch cấp tỉnh và Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích liên mảnh tối thiểu là 50 ha.

- Có hệ thống bờ bao hoàn chỉnh, hệ thống tưới tiêu chủ động; hạ tầng điện, viễn thông và hậu cần đảm bảo hỗ trợ tốt cho sản xuất, chế biến kinh doanh lúa gạo.

2. Tiêu chí canh tác bền vững và tăng trưởng xanh

- Vùng được đề xuất hiện có trên 20% diện tích canh tác lúa đã áp dụng một trong các quy trình canh tác bền vững như 1 phải 5 giảm, tưới ngập khô xen kẽ, tiêu chuẩn sản xuất lúa bền vững hoặc các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt được chứng nhận.

- Trên 70% diện tích canh tác lúa đã sử dụng giống lúa xác nhận hoặc tương đương.

- 100% hộ trong vùng cam kết thu gom rơm khỏi đồng ruộng để chế biến tái sử dụng.

3. Tiêu chí về tổ chức sản xuất

- Diện tích đã liên kết đạt trên 30% tổng diện tích, trong đó có 50% số hộ trong vùng tham gia liên kết thông qua các hợp tác xã, tổ hợp tác và liên kết với doanh nghiệp.

- Trên 40% hộ trong vùng đã được tập huấn quy trình canh tác bền vững như 1 phải 5 giảm, tưới ngập khô xen kẽ, tiêu chuẩn sản xuất lúa bền vững hoặc các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt được chứng nhận.

- Có tổ chức khuyến nông tham gia hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân.

4. Tiêu chí doanh nghiệp tham gia liên kết

- Doanh nghiệp tham gia Đề án phải có liên kết với hợp tác xã hoặc tổ chức nông dân ít nhất về bao tiêu sản phẩm.
- Doanh nghiệp cam kết tham gia Đề án và có năng lực để tổ chức, giám sát quá trình sản xuất lúa gạo ở vùng liên kết.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Lựa chọn, xây dựng vùng tham gia Đề án

- Xác định quy mô vùng sản xuất lúa tập trung, nằm trong vùng quy hoạch sản xuất lúa tằm đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo tiêu chí xây dựng vùng lúa chất lượng cao theo Đề án.
- Giai đoạn năm 2026: rà soát, củng cố diện tích 80 ha thuộc Dự án để tiếp tục duy trì triển khai thực hiện.
- Giai đoạn 2026 - 2030: tiếp tục rà soát các diện tích đủ tiêu chí để mở rộng diện tích hướng tới mục tiêu 400 ha lúa chất lượng cao và phát thải thấp trên địa bàn xã vào năm 2030.

Giai đoạn này sẽ tập trung vào các hoạt động chủ yếu như đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho những vùng diện tích mới, tổ chức lại sản xuất, xây dựng chuỗi giá trị, hoàn thiện hệ thống MRV (đo đạc, báo cáo, kiểm tra) và có diện tích đủ điều kiện tham gia chi trả tín chỉ các-bon.

2. Rà soát, áp dụng, hoàn thiện các gói kỹ thuật đảm bảo tiêu chí phát triển bền vững

- Áp dụng các gói kỹ thuật về canh tác lúa đảm bảo sản xuất bền vững, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu; hoàn thiện các quy trình xử lý rơm rạ, chuyển giao cho hộ nông dân, hợp tác xã. Xây dựng các mô hình trình diễn, tập huấn cho các hợp tác xã, tổ hợp tác và các tổ chức của nông dân.
- Xác định các diện tích đã áp dụng quy trình canh tác lúa phát thải thấp, hướng tới thị trường tín chỉ các-bon trong và ngoài nước.
- Áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từ khâu làm đất, gieo cấy, đến chăm sóc, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch và sau thu hoạch.
- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ đầu tư, nghiên cứu và ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa; Sử dụng chế phẩm sinh học, phân bón hữu cơ, công nghệ vi sinh để thay thế hóa chất, góp phần bảo vệ môi trường và cải thiện độ phì của đất.
- Nhân rộng mô hình tưới tiết kiệm nước - giảm khí thải, mô hình công nghệ sinh thái, mô hình ứng dụng đồng bộ cơ giới hóa trong sản xuất.

3. Tổ chức lại sản xuất và đào tạo tập huấn nâng cao năng lực

- Các tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia Đề án đăng ký tham gia và cam kết thực hiện quy trình canh tác lúa bền vững và phát thải thấp theo Quyết định số 2178/QĐ-BNN-KTHT ngày 04/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc ban hành

Hướng dẫn nội dung khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”.

- Tổ chức các hộ trồng lúa thành các hợp tác xã, tổ hợp tác hay các tổ chức của nông dân. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia Đề án ký kết hợp đồng liên kết với các hợp tác xã, tổ hợp tác để cung cấp đầu vào chất lượng, hỗ trợ kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm đầu ra cho hộ trồng lúa; xây dựng mô hình canh tác lúa chất lượng cao, giảm phát thải, gắn với tiêu chuẩn thị trường.

- Hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm logistics gắn với vùng chuyên canh có sự tham gia của các hợp tác xã và doanh nghiệp.

- Tập huấn, chuyển giao cho tổ hợp tác và hợp tác xã trồng lúa biện pháp canh tác bền vững, biện pháp xử lý rơm rạ, các kiến thức bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, kiến thức quản trị, kinh doanh, thị trường, chuyển đổi số.

- Tập huấn, nâng cao nhận thức cho cán bộ địa phương, cán bộ HTX, nông dân về lợi ích sự liên kết sản xuất, tiêu thụ với doanh nghiệp.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ HTX, tăng cường cán bộ trẻ, phát triển mô hình nhân viên của doanh nghiệp liên kết tham gia ban quản trị HTX; chuyển đổi HTX từ cách hoạt động truyền thống sang hoạt động kinh doanh như một doanh nghiệp nhỏ; kết nối giữa nông dân, HTX, nhà khoa học và doanh nghiệp.

4. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng tại vùng chuyên canh

- Nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có và hoàn thiện hệ thống kênh mương kết hợp với giao thông nội đồng để chủ động tưới, tiêu, quản lý mặn, quản lý nước và thuận lợi cho máy móc vận hành.

- Rà soát mạng lưới kho, sấy, chế biến trong vùng chuyên canh lúa để tạo điều kiện về mặt bằng (theo quy định pháp luật) cho doanh nghiệp liên kết sản xuất - tiêu thụ mở rộng cơ sở sấy, chế biến để nâng cao hiệu quả và quy mô liên kết.

- Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng của HTX để có điều kiện liên kết sản xuất, tiêu thụ với doanh nghiệp.

5. Công tác thực hiện truy xuất nguồn gốc

- Tiếp tục hướng dẫn, thực hành sản xuất nông sản an toàn, hữu cơ gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm và kết nối liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Đào tạo đội ngũ tư vấn viên thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trên địa bàn tỉnh để chủ động thực hiện tư vấn, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện chứng nhận nhằm giảm chi phí thuê đơn vị tư vấn.

- Lồng ghép triển khai, hướng dẫn nông dân ghi chép đầy đủ sổ nhật ký sản xuất phục vụ hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Thực hiện cấp mã số vùng trồng tại các vùng nguyên liệu, đảm bảo quản lý được chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất, đặc biệt là dư lượng chất hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong lúa, gạo.

6. Thông tin, truyền thông và khuyến nông cộng đồng (KNCD)

- Thông tin, truyền thông tới người nông dân và các tác nhân tham gia Đề án nhằm thống nhất tư duy, nhận thức chung, tạo sự đồng thuận của cộng đồng trong nước và quốc tế.

- Tập trung nguồn lực để nâng cao năng lực HTX, THT, TCND, tổ Khuyến nông cộng đồng, phục vụ cho thực hiện Kế hoạch.

- Tăng cường và phát huy hiệu quả công tác triển khai vận động nông dân, tổ chức nông dân đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp một cách mạnh mẽ, phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

- Tuyên truyền chủ trương, chính sách và lợi ích của sự phát triển vùng lúa chất lượng cao phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh và gắn với chuỗi giá trị lúa gạo.

- Đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu, nhãn hiệu gạo sản xuất từ vùng lúa chất lượng cao phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh ở trong và ngoài nước.

- Tuyên truyền, quảng bá các mô hình trình diễn, liên kết bền vững, cách vận động hay của các tổ chức nông dân, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã.

7. Ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số dùng chung: Thu thập, quản lý dữ liệu về đất đai, thời tiết, giống lúa, quy trình canh tác, phát thải khí nhà kính; ứng dụng công nghệ GIS, viễn thám và IoT để theo dõi sản xuất và giám sát vùng trồng.

- Ứng dụng công nghệ trong canh tác thông minh, chính xác: Sử dụng máy bay không người lái (drone) để gieo sạ, phun thuốc, bón phân; cài đặt cảm biến theo dõi độ ẩm, dinh dưỡng và tình hình sâu bệnh; Áp dụng kỹ thuật tưới nước tiết kiệm (như tưới ngập khô xen kẽ), canh tác giảm phát thải.

- Đề xuất cơ chế khuyến khích phát triển công nghệ xử lý và tái sử dụng các phế thải, phụ phẩm, mang lại giá trị gia tăng trong chuỗi sản xuất nông nghiệp, ổn định kinh tế, bảo vệ tài nguyên và hệ sinh thái

- Chuyển đổi số trong quản lý sản xuất và chuỗi giá trị: số hóa nhật ký đồng ruộng, quản lý quy trình sản xuất và chứng nhận chất lượng; triển khai truy xuất nguồn gốc sản phẩm và kết nối tiêu thụ thông qua sàn giao dịch số, thương mại điện tử.

- Xác lập cơ chế giám sát chặt chẽ để thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, phát thải thấp. Phát triển nền tảng tín chỉ các-bon và đo lường phát thải: ứng dụng công nghệ đo lường - báo cáo - thẩm định (MRV) phát thải khí nhà kính; Kết nối hệ thống với các nền tảng giao dịch tín chỉ các-bon trong và ngoài nước, đảm bảo minh bạch, hiệu quả;

- Đào tạo, nâng cao năng lực chuyển đổi số cho các bên liên quan: Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng công nghệ cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật số tại địa phương để hỗ trợ triển khai tại cơ sở.

- Phát triển hệ thống logistics, dịch vụ hậu cần sản xuất, dịch vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ số đáp ứng yêu cầu tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo quy mô hàng hóa.

8. Giải pháp thị trường

- Đẩy mạnh xúc tiến, chủ động mời gọi doanh nghiệp tham gia liên kết, cung cấp vật tư đầu vào, bao gồm lúa giống và các dịch vụ phục vụ sản xuất khác, phù hợp theo thỏa thuận và quy định hiện hành.

- Triển khai thực hiện phát triển các chuỗi ngành hàng lúa gạo: Ngay từ đầu mỗi vụ sản xuất, hỗ trợ các doanh nghiệp tiến hành làm việc và trao đổi về kế hoạch liên kết tại từng vùng, tổ chức ngày hội liên kết để triển khai chính sách thu mua và hợp tác của doanh nghiệp với nông dân HTX.

- Củng cố ít nhất 01 HTX/TCND tại mỗi vùng sản xuất đứng đại diện để thực hiện chuỗi liên kết trong vùng nguyên liệu cũng như đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc quản lý chất lượng vùng nguyên liệu.

- Phối hợp tổ chức tập huấn kỹ thuật theo yêu cầu của doanh nghiệp tại các vùng triển khai liên kết, giúp đảm bảo chất lượng đáp ứng theo yêu cầu của doanh nghiệp.

- Phối hợp với các Bộ, ngành, viện, trường triển khai các chương trình, nhiệm vụ ưu tiên được phê duyệt của Đề án.

9. Huy động nguồn lực, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các quỹ tài chính các-bon, các quỹ hỗ trợ hợp pháp trên thế giới.

- Huy động sự hỗ trợ từ các quỹ, các tổ chức quốc tế, các Chính phủ và tổ chức phi chính phủ, đại sứ quán các nước trong triển khai có hiệu quả Đề án.

- Tiếp cận các nguồn hỗ trợ kỹ thuật và tài chính không hoàn lại từ nguồn tài chính Chuyên đổi Tài sản Các-bon (Transformative Các-bon Asset Facility- A TCAF) của Ngân hàng Thế giới (nếu có) để hỗ trợ xây dựng hệ thống MRV(Monitoring, Reporting, Verification) - Đo đạc, báo cáo,thẩm định) đạt tiêu chuẩn quốc tế làm cơ sở cấp tín chỉ các-bon cho các diện tích đã áp dụng quy trình canh tác lúa phát thải thấp, hướng tới thị trường tín chỉ các-bon trong và ngoài nước (theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương) để tăng thu nhập cho nông dân và nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm lúa gạo. Đào tạo, thành lập tổ công tác chuyên môn của tỉnh thực hiện nhiệm vụ MRV và cấp tín chỉ các-bon.

10. Áp dụng hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành

- Thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển nông nghiệp của Chính phủ như: Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/3/2018 của Chính phủ về khuyến nông; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của tỉnh như: Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh; một số chính sách hỗ trợ, nâng cao năng lực, khuyến khích phát triển HTX trên địa bàn tỉnh, chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực...

- Hoàn thiện và triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ hộ nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia Đề án sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp. Ưu tiên hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm và bảo hiểm nông nghiệp.

- Đồng thời, có cơ chế phù hợp giúp địa phương giữ vững diện tích đất lúa, đảm bảo thực hiện bền vững mục tiêu của Đề án.

- Ưu tiên chương trình tín dụng hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp giữa hợp tác xã, tổ hợp tác với các doanh nghiệp.

- Xây dựng cơ chế chi trả tín chỉ các-bon dựa vào kết quả cho vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp.

- Xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường sản phẩm gạo chất lượng cao và phát thải thấp của địa phương và của tỉnh. Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thương hiệu gạo phát thải thấp tại thị trường trong nước và quốc tế.

- Ưu tiên triển khai các chính sách hiện hành hỗ trợ hộ trồng lúa, hợp tác xã và doanh nghiệp trong vùng thực hiện Đề án. Hộ trồng lúa được tham gia tập huấn, vay vốn ưu đãi và hưởng lợi từ việc sản xuất giảm phát thải. Hợp tác xã, tổ hợp tác được hỗ trợ hạ tầng, kỹ thuật và kinh phí xây dựng mô hình. Doanh nghiệp được tiếp cận tín dụng trung, dài hạn để liên kết sản xuất - tiêu thụ, tham gia thị trường tín chỉ các-bon và được ưu tiên tiếp cận các dự án quốc tế liên quan.

V. NGUỒN VỐN VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn

- Nguồn hỗ trợ từ ngân sách trung ương.

- Ngân sách địa phương theo phân cấp.

- Nguồn kinh phí đất trồng lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết đất trồng lúa.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi...

- Các nguồn vốn tài trợ không hoàn lại, nguồn vốn vay hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn hỗ trợ quốc tế hợp pháp khác.

- Nguồn tín dụng, nguồn xã hội hóa từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị lập dự toán chi tiết theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức do nhà nước ban hành, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, phối hợp Sở Tài chính tham mưu cấp thẩm quyền kinh phí thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ thực hiện Đề án

UBND xã quyết định thành lập Tổ thực hiện Đề án, cơ cấu bao gồm: lãnh đạo UBND xã là Tổ trưởng, lãnh đạo Phòng Kinh tế là Tổ phó, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị và Trưởng ấp các ấp là thành viên. Các thành viên của Tổ hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm và được hưởng phụ cấp theo quy định.

2. Phòng Kinh tế xã

Là cơ quan đầu mối chủ trì triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án; tham mưu Ủy ban nhân dân xã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án và Tổ giúp việc xã để tổ chức triển khai đồng bộ các nội dung trên địa bàn.

Căn cứ tiêu chí vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp, chủ trì phối hợp với các ấp rà soát, xác định vùng đủ điều kiện tham gia Đề án; tổng hợp, đăng ký với cấp trên và tham mưu ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm.

Chủ trì, phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn, bao gồm hợp tác xã hiện có và hợp tác xã thành lập mới.

Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân về quy trình, thủ tục liên quan đến việc thành lập, củng cố, kiện toàn, đánh giá, xếp loại hợp tác xã; đồng thời tham mưu đề xuất và tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án; tham mưu ủy ban nhân dân xã bố trí, quản lý và sử dụng nguồn vốn bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Tổ chức triển khai hiệu quả các nguồn vốn, chương trình, dự án và các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp; ưu tiên đầu tư cho các vùng tham gia Đề án gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Phối hợp triển khai các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính; tham gia thực hiện các cơ chế, chính sách về tín chỉ các-bon theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Tổng hợp, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về kết quả thực hiện Đề án; tham mưu ủy ban nhân dân xã tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định.

3. Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã

Chủ trì, phối hợp triển khai các hoạt động hỗ trợ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp nhằm giảm phát thải các-bon theo nội dung Đề án; trong đó tập trung tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, xây dựng và nhân rộng mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa bền vững gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Phối hợp tổ chức tập huấn, xây dựng các mô hình luân canh cây trồng trên đất trồng lúa; đồng thời chủ động lồng ghép các chương trình, dự án khuyến nông về cây lúa và các hoạt động khuyến nông có liên quan vào việc triển khai Đề án

nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và đẩy nhanh tiến độ thực hiện mục tiêu đề ra.

Tổ chức hướng dẫn, tập huấn cho nông dân và các tổ chức sản xuất về cấp mã số vùng trồng; quản lý và áp dụng các quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn theo hợp đồng tiêu thụ như an toàn thực phẩm (ATTP), SRP, sản xuất hữu cơ, VietGAP, GlobalGAP và các tiêu chuẩn khác theo quy định hiện hành.

Thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng; kịp thời dự báo, hướng dẫn và tư vấn các biện pháp phòng, chống hiệu quả cho nông dân và các tổ chức tham gia Đề án.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh về nội dung Đề án, các cơ chế, chính sách hỗ trợ, cũng như các mô hình sản xuất hiệu quả để người dân biết, tích cực tham gia và nhân rộng.

Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo sự phân công của Ủy ban nhân dân xã và Tổ thực hiện Đề án.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức Chính trị - Xã hội xã

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân trên địa bàn tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện Đề án; góp phần nâng cao nhận thức về phát triển sản xuất lúa chất lượng cao, giảm phát thải gắn với tăng trưởng xanh.

Vận động, hỗ trợ thành lập mới, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp; khuyến khích người dân tham gia liên kết sản xuất, từng bước nâng cao hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững.

Tham gia giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án tại địa phương; phối hợp hỗ trợ các cơ quan chuyên môn trong quá trình thực hiện, kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp nhằm đảm bảo Đề án được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

5. Trưởng ấp các ấp

Phối hợp chặt chẽ với Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp trong việc tổ chức triển khai các hoạt động của Đề án trên địa bàn, đảm bảo các nội dung được thực hiện đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia Đề án; khuyến khích người dân tham gia các hợp tác xã, tổ hợp tác nhằm hình thành.

Liên kết sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và tính bền vững trong sản xuất nông nghiệp.

Tổ chức rà soát, đăng ký diện tích sản xuất; xác định các vùng đủ điều kiện tham gia Đề án theo tiêu chí quy định, đảm bảo đúng đối tượng, đúng phạm vi và phù hợp với định hướng phát triển của địa phương.

Phối hợp triển khai hiệu quả các chương trình, dự án và nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất; ưu tiên thực hiện tại các vùng, các đối tượng tham gia Đề án nhằm phát huy hiệu quả đầu tư.

Kịp thời nắm bắt tình hình, phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai về ủy ban nhân dân xã (thông qua Phòng Kinh tế) để được xem xét, chỉ đạo giải quyết, đảm bảo Đề án được thực hiện thuận lợi, hiệu quả.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển bền vững 1 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” trên địa bàn xã Vĩnh Phong./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- UB MTTQVN và các TC CT-XH xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm DVTH xã;
- LĐVP, CVNC;
- Trưởng ấp các ấp;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**
Nguyễn Văn Sỹ

